

Số: /SGDDĐT-QLCL-CĐS
Về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ
ứng dụng công nghệ thông tin,
chuyển đổi số và thống kê giáo dục
năm học 2025-2026

Tây Ninh, ngày tháng 10 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Công văn số 5835/BGDĐT-KHCNTT ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CĐS) và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

- Triển khai đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, địa phương.
- Đẩy nhanh tiến độ triển khai và tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” tại địa phương¹ và phương hướng, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.
- Đảm bảo về cơ sở vật chất, hạ tầng số, trang thiết bị, đường truyền để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CĐS trong GDĐT tại địa phương.
- Tăng cường ứng dụng các nền tảng, phần mềm trong quản trị nhà trường, dạy, học, kiểm tra, đánh giá theo hướng dùng chung (nền tảng và học liệu), tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI).
- Triển khai hiệu quả, công khai và cải cách hành chính trên cổng thông tin điện tử, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của Sở GDĐT, triển khai hiệu quả thanh toán không dùng tiền mặt.
- Triển khai ứng dụng AI có trách nhiệm trong hoạt động dạy, học, quản lý giáo dục; thường xuyên nâng cao năng lực số cho người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và đảm bảo an toàn môi trường học tập số.

¹ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá

a) Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý, tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên; khai thác tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học trực tuyến, theo dõi và phân tích quá trình học tập của người học; đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

b) Triển khai thực hiện Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc quy định khung năng lực số cho người học và Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

c) Nghiên cứu, áp dụng triển khai các mô hình dạy, học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng kết hợp, tăng tương tác, trải nghiệm phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế (lớp học thông minh, học tương tác, tự học với trợ lý ảo).

d) Triển khai ứng dụng AI có trách nhiệm, có lộ trình phù hợp từng cấp học, từng địa phương, từng nhóm đối tượng với quan điểm lấy người học làm trung tâm, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng tiên phong; đội ngũ nhà giáo phải thường xuyên cập nhật, đổi mới phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi AI trong giáo dục.

e) Rà soát, đề xuất đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính đáp ứng yêu cầu giảng dạy môn Tin học; mua sắm thiết bị phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến.

f) Tích cực, chủ động xây dựng học liệu số dùng chung phục vụ công tác giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá.

g) Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính tại những nơi có nhu cầu và đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện.

h) Phối hợp với các cấp quản lý và các tổ chức chuyên môn để tập huấn, bồi dưỡng (theo hình thức kết hợp trực tuyến và trực tiếp) nâng cao năng lực số, năng lực AI cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người học; ưu tiên các nội dung gắn với thực tế công việc như kỹ năng ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước, quản trị nhà trường, dạy học, xây dựng học liệu số, tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng AI tổ chức hoạt động giáo dục².

² Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

i) Tiếp tục triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (phần mềm và cơ sở dữ liệu số hóa sách), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

j) Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường.

2. Chuyển đổi số trong quản trị các cơ sở giáo dục và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục

a) Tất cả các cơ sở giáo dục thực hiện phần mềm quản trị nhà trường kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục³; đảm bảo 100% học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên có học bạ số và kết nối về Cổng thông tin học bạ số quốc gia; đảm bảo 100% người học, nhà giáo được định danh thống nhất và quản lý bằng hồ sơ số, 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác được quản lý bằng hồ sơ số; từng bước ứng dụng AI phân tích dữ liệu, hỗ trợ công tác quản trị nhà trường.

b) Tham mưu lãnh đạo các cấp bố trí nguồn lực để triển khai học bạ số trong giáo dục phổ thông; triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ hướng đến triển khai văn bằng số, chứng chỉ số và công khai thông tin về cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ GDĐT⁴. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, trường học triển khai học bạ số ở tất cả các cấp học theo đúng chỉ đạo của Bộ GDĐT.

c) Hoàn thiện, tăng cường kiểm soát chất lượng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, khuyến khích mở rộng hệ thống quản lý giáo dục (<https://qlgd.tayninh.edu.vn>) kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; từng bước tích hợp AI trong hệ thống thông tin quản lý điều hành, phân tích dữ liệu.

- Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm quản lý trường học đảm bảo đồng bộ đầy đủ thông tin, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Sở GDĐT và Bộ GDĐT.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên cấp Trường/Trung tâm, Sở GDĐT (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác

³ Thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

⁴ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

nội dung theo quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục⁵, quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT⁶, thống kê đối với giáo dục nghề nghiệp và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GDĐT; tăng cường ứng dụng công cụ phân tích dữ liệu thông minh để hỗ trợ quản lý, đánh giá và dự báo xu hướng giáo dục, tự động hóa quy trình báo cáo thống kê, giảm thiểu thao tác thủ công và tăng cường tính kịp thời của dữ liệu.

- Triển khai hệ thống thông tin phổ cập giáo dục xóa mù chữ trên cơ sở kết nối và kế thừa dữ liệu sẵn có từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc cập nhật dữ liệu trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, hệ thống phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và các phần mềm hỗ trợ khác để có những biện pháp tháo gỡ, giúp đỡ kịp thời.

3. Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ

a) Dịch vụ đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông trực tuyến:

Triển khai việc lập hồ sơ, thủ tục đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông, xét tuyển cao đẳng, đại học, thanh toán lệ phí, học phí bằng hình thức trực tuyến theo đúng chỉ đạo của Bộ GDĐT.

b) Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học; dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ, hướng tới triển khai ở mức độ toàn trình:

Triển khai việc đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học bằng hình thức trực tuyến ở các cấp học.

c) Tập trung triển khai 03 nhóm dịch vụ công trực tuyến, toàn trình liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 206/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ⁷:

- Triển khai các thủ tục hành chính ngành giáo dục theo đúng Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của ngành Giáo dục và Đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh⁸.

⁵ Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục; Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

⁶ Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT.

⁷ Quyết định số 2065/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ ông trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2024.

⁸ Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục, nội dung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục, nội dung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục, nội dung và phê duyệt

d) Triển khai sử dụng hiệu quả Hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt của ngành giáo dục để đẩy mạnh thanh toán học phí, các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt:

Các đơn vị, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt ở tất cả các khoản thu bảo đảm thuận lợi, dễ dàng thực hiện cho cha mẹ học sinh, học sinh, sinh viên; bảo đảm được việc quản lý hiệu quả của nhà trường (không phát sinh thêm việc cho kế toán trường học). Khuyến khích sử dụng App trên điện thoại thông minh để dễ thực hiện.

4. Thực hiện văn bằng số bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, chứng chỉ số

Triển khai xây dựng hệ thống quản lý văn bằng số, chứng chỉ số theo Kế hoạch số 1576/KH-BGDĐT ngày 28/10/2024 của Bộ GDĐT về việc triển khai nhiệm vụ xây dựng hệ thống thông tin quản lý văn bằng trong hệ thống giáo dục.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong giáo dục

a) Tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ nhà giáo, nhân viên, người học về vai trò, vị trí của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm ứng dụng, phần mềm phòng chống virus có bản quyền.

b) Triển khai hiệu quả Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và Phong trào “Bình dân học vụ số” của ngành Giáo dục⁹; triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm¹⁰.

2. Tăng cường công tác thể chế: Các đơn vị tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định; đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu; thường xuyên phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục; ban hành các hướng dẫn, quy chế sử dụng AI có đạo đức, trách nhiệm, bảo đảm quyền riêng tư trong hoạt động giáo dục.

quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục, nội dung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh.

⁹ Kế hoạch số 953/KH-BGDĐT ngày 10/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

¹⁰ Kế hoạch số 299/KH-SGDĐT ngày 25/7/2025 về việc triển khai Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và Phong trào “Bình dân học vụ số” ngành giáo dục.

3. Kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục:

a) Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, phường: Phân công lãnh đạo Phòng Văn hóa – Xã hội và chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục.

b) Đối với cơ sở giáo dục: Phân công lãnh đạo phụ trách và viên chức CNTT hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục.

c) Thành lập “Tổ Chuyển đổi số trường học” để nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS tại các cơ sở giáo dục.

4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục

a) Rà soát, dự toán và tham mưu cấp quản lý bố trí đủ kinh phí, nguồn lực; bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục; đảm bảo kết nối Internet trong các cơ sở giáo dục.

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn thông tin; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

5. Tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và CDS cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và CDS trong cơ sở giáo dục, xem xét lựa chọn các nội dung phù hợp về: Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; ứng dụng công cụ AI phù hợp để thiết kế bài giảng điện tử, thiết kế giáo án điện tử trên môi trường số; kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong cơ sở giáo dục; nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin.

6. Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành và quản lý trường học

a) Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, phường:

Phân công lãnh đạo UBND và lãnh đạo Phòng Văn hóa – Xã hội phụ trách Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành và quản lý trường học; phân công chuyên viên làm đầu mối theo dõi việc thực hiện đồng bộ giữa hệ thống quản lý trường học và cơ sở dữ liệu ngành, đồng thời giám sát chặt chẽ việc cập nhật thông tin đội ngũ, học sinh, cơ sở vật chất, kết quả học tập, y tế trường học và sức khỏe học sinh đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống.

b) Đối với cơ sở giáo dục:

Phân công lãnh đạo và viên chức CNTT hoặc giáo viên kiêm nhiệm thực hiện đồng bộ giữa hệ thống quản lý trường học và cơ sở dữ liệu ngành, đồng thời

cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin đội ngũ, học sinh, cơ sở vật chất, kết quả học tập, y tế trường học và sức khỏe học sinh,...

7. Triển khai Học bạ số

a) Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, phường:

Phân công lãnh đạo UBND và lãnh đạo Phòng Văn hóa – Xã hội phụ trách Triển khai Học bạ số; phân công chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai Học bạ số, kiểm duyệt chữ ký số và kiểm tra, giám sát việc đóng gói phát hành Học bạ số lên Bộ GDĐT.

b) Đối với cơ sở giáo dục:

- Phân công lãnh đạo và viên chức CNTT hoặc giáo viên giám sát thực hiện chữ ký số và đóng gói phát hành Học bạ số.

- Chuẩn bị các điều kiện về nhân sự, cơ sở vật chất (máy móc, thiết bị,...) để triển khai học bạ số trong trường học.

- Lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ bảo đảm đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định, điều kiện của Bộ GDĐT; phải bảo đảm chính xác, dễ sử dụng, quy trình thao tác đơn giản thuận lợi cho người sử dụng.

8. Triển khai thu chi không dùng tiền mặt có kết nối nền tảng quản lý kế toán

a) Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, phường:

Phân công lãnh đạo UBND và lãnh đạo Phòng Văn hóa – Xã hội phụ trách chỉ đạo việc triển khai thu chi không dùng tiền mặt; phân công chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai việc thu chi không dùng tiền mặt có kết nối nền tảng quản lý kế toán và công tác kiểm tra, giám sát, thống kê chi tiết các khoản thu công khai, minh bạch.

b) Đối với cơ sở giáo dục:

Phân công lãnh đạo và viên chức CNTT, kế toán thực hiện việc thu chi không dùng tiền mặt có kết nối nền tảng quản lý kế toán, đồng thời theo dõi, giám sát các khoản thu công khai, minh bạch và báo cáo số liệu thu chi không dùng tiền mặt về cơ quan quản lý cấp trên khi có yêu cầu; khuyến khích sử dụng trên hệ thống quản lý giáo dục (<https://qlgd.tayninh.edu.vn>).

9. Hệ thống học tập trực tuyến

Năm học 2025-2026, các đơn vị trường học tiếp tục triển khai thực hiện hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS). Hệ thống quản lý học tập của cơ sở giáo dục phải đảm bảo các yêu cầu như sau:

- Xây dựng được kho học tập trực tuyến;
- Xây dựng được ngân hàng câu hỏi trực tuyến;
- Tổ chức học tập, họp trực tuyến trên hệ thống;
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá trên hệ thống.

a) Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, phường:

Phân công lãnh đạo UBND và lãnh đạo Phòng Văn hóa – Xã hội phụ trách chỉ đạo việc triển khai Hệ thống học tập trực tuyến; phân công chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai hệ thống học tập trực tuyến đáp ứng tối thiểu 04 chức năng: (1) Giáo viên giao bài tập cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.

- Chỉ đạo các trường trực thuộc tổ chức chức dạy học trực tuyến; tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ bằng hình thức trực tuyến; hội họp trực tuyến bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, có chất lượng.

b) Đối với cơ sở giáo dục:

- Phân công lãnh đạo và viên chức CNTT hoặc giáo viên kiêm nhiệm hướng dẫn thực hiện và vận hành hệ thống.

- Tổ chức chức dạy học trực tuyến; tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ bằng hình thức trực tuyến ở những nơi có điều kiện; hội họp trực tuyến bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, có chất lượng.

10. Triển khai dịch vụ trực tuyến

a) Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, phường:

Phân công lãnh đạo UBND và lãnh đạo Phòng Văn hóa – Xã hội phụ trách chỉ đạo thực hiện; theo dõi, giám sát và phân công chuyên viên làm đầu mối theo dõi việc triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp; ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường thông qua OTT (Over the top) hoặc qua ứng dụng web.

b) Đối với cơ sở giáo dục:

Phân công lãnh đạo và viên chức CNTT hoặc giáo viên kiêm nhiệm thực hiện dịch vụ tuyển sinh đầu cấp; ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường thông qua OTT (Over the top) hoặc qua ứng dụng web.

11. Thực hiện văn bằng số bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, chứng chỉ số

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống quản lý văn bằng số, chứng chỉ số và tích hợp văn bằng, chứng chỉ lên hệ thống VneID góp phần minh bạch hóa và chuẩn hóa dữ liệu, hạn chế tình trạng làm giả, chỉnh sửa hoặc sử dụng sai mục đích các loại văn bằng, chứng chỉ.

- Tích hợp dữ liệu văn bằng lên VNeID giúp đơn vị trường học, cha mẹ học sinh, học sinh và sinh viên dễ dàng tra cứu, xác minh văn bằng, cấp lại chứng chỉ.

12. Triển khai hiệu quả việc đánh giá mức độ chuyển đổi số¹¹ của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên; nâng cao năng lực số cho người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, đảm bảo an toàn môi trường học tập số.

¹¹ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong giáo dục mầm non; Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

a) Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, phường:

Phân công lãnh đạo UBND và lãnh đạo Phòng Văn hóa – Xã hội phụ trách chỉ đạo việc tổ chức đánh giá mức độ CDS; phân công chuyên viên làm đầu mối theo dõi, đôn đốc thực hiện đánh giá hiệu quả mức độ CDS, nâng cao năng lực số cho người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và đảm bảo an toàn môi trường học tập số các đơn vị trực thuộc.

b) Các đơn vị, trường học tổ chức việc đánh giá bảo đảm đúng quy trình, thời gian, chính xác về mức độ, có đầy đủ minh chứng theo từng tiêu chí và báo cáo về cơ quan cấp trên đúng thời gian quy định; triển khai thường xuyên, hiệu quả nâng cao năng lực số cho người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và đảm bảo an toàn môi trường học tập số.

13. Tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê trong giáo dục, tối thiểu 30% số đơn vị trực thuộc được kiểm tra (có thể lồng ghép chung vào kế hoạch với các phòng ban hàng năm).

14. Xây dựng hoàn thiện công cụ AI hỗ trợ tra cứu, tìm kiếm thông tin phục vụ cho các đơn vị trường học (<http://ai.tayninh.edu.vn:8787>). Khai thác triệt để các công cụ AI phục vụ kiểm tra, đánh giá và sáng tạo trong giảng dạy¹².

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Quản lý chất lượng – Chuyển đổi số

- Thực hiện tốt vai trò tham mưu, quản lý nhà nước về ứng dụng CNTT, CDS của Ngành; thường xuyên giám sát, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trường học.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý, duy trì, theo dõi bảo trì, đảm bảo hạ tầng CNTT phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Sở; hỗ trợ CNTT cho các phòng thuộc Sở và các đơn vị, trường học.

- Tham mưu kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và CDS trong công tác quản lý, dạy và học tại các đơn vị, trường học.

- Phối hợp các phòng thuộc Sở đánh giá mức độ CDS, nâng cao năng lực số cho người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và đảm bảo an toàn môi trường học tập số các cơ sở giáo dục.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo việc triển khai công tác này theo đúng thời gian quy định của Bộ GDĐT.

¹² **ChatGPT** (<https://chatgpt.com/>): Trợ lý AI mạnh mẽ để tạo nội dung và trả lời câu hỏi; **Google Gemini** (<https://gemini.google.com/>): AI linh hoạt cho việc tạo bài học và đánh giá học sinh; **Microsoft CoPilot** (microsoft.com/copilot): AI hỗ trợ sáng tạo bài học và trả lời câu hỏi, hình ảnh (tìm hiểu thêm về hệ sinh thái AI của Microsoft); **Curipod** (curipod.com): Công cụ tạo bài thuyết trình tương tác; **Plus AI for Slides** (https://workspace.google.com/marketplace/app/plus_ai_for_google_slides_and_docs/214277172452): Tạo bài thuyết trình nhanh chóng; **Briskteaching** (<https://www.briskteaching.com/>): Phần mở rộng Chrome để tóm tắt văn bản; **Wordtune** (<https://www.wordtune.com/>): Tóm tắt nội dung và hỗ trợ viết; **Grammarly** (grammarly.com): Cải thiện chất lượng văn bản; ...

2. Phòng Kế hoạch – Tài chính

Phối hợp Phòng Quản lý chất lượng – Chuyển đổi số tham mưu, bố trí kinh phí, thực hiện mua sắm các hệ thống phần mềm, hạ tầng CNTT phục vụ công tác ứng dụng CNTT và CDS tại các cơ sở giáo dục đảm bảo thực hiện các mục tiêu của nhiệm vụ đúng theo quy định của pháp luật.

3. Phòng Giáo dục mầm non, Phòng Giáo dục phổ thông, Phòng Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên

Giám sát, đôn đốc việc ứng dụng CNTT, CDS trong hoạt động chuyên môn, học bạ số, công tác kiểm tra, đánh giá, hoạt động dạy và học trong các cơ sở giáo dục. Phối hợp đánh giá mức độ CDS của các cơ sở giáo dục giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.

4. Phòng Tổ chức cán bộ

Phối hợp Phòng Quản lý chất lượng – Chuyển đổi số giám sát, đôn đốc việc cập nhật, thống kê, báo cáo đội ngũ cán bộ công chức, viên chức trên cơ sở dữ liệu ngành chính xác, kịp thời.

5. Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp Phòng Quản lý chất lượng – Chuyển đổi số tổ chức tuyên truyền thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số”, “Ngày hội toàn dân học tập số” và “Ngày Chuyển đổi số quốc gia”.

6. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phường

- Phân công Phòng Văn hóa – Xã hội cấp xã, phường theo dõi việc ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục

- Hướng dẫn bằng văn bản cho các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý đối với việc triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2025-2026.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục; thành lập “Tổ Chuyển đổi số trường học”; phân công nhân sự phụ trách CNTT, cập nhật dữ liệu, nộp báo cáo đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định.

7. Các các đơn vị trực thuộc Sở

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2025-2026; triển khai rộng rãi, hướng dẫn chi tiết việc thực hiện nội dung kế hoạch đến các tổ chuyên môn, các bộ phận; tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục, xem đây là một trong các tiêu chí để đánh giá thi đua đối với các đơn vị.

b) Thành lập “Tổ Chuyển đổi số trường học”; phân công nhân sự phụ trách CNTT, cập nhật dữ liệu, nộp báo cáo đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định.

8. Các mốc thời gian

- Chậm nhất ngày **22/10/2025** đề nghị UBND xã, phường và các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện các công việc như sau:

+ Gửi về Sở GDĐT kế hoạch triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 (file ký số hoặc file *.pdf có ký tên, đóng dấu và file *.docx);

- Báo cáo thống kê CSDL ngành định kỳ; Báo cáo tổng kết đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục (*sẽ có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện*).

- Đề nghị UBND xã, phường và các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức sơ kết đánh giá tình hình ứng dụng CNTT và CDS giữa năm học và gửi báo cáo về Sở GDĐT chậm nhất **ngày 19/01/2026**; đánh giá, tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT và CDS năm học 2025-2026 và gửi Sở GDĐT chậm nhất **ngày 09/6/2026** để tổng hợp báo cáo về Bộ GDĐT.

Lưu ý:

- Tất cả các báo cáo gửi về Sở GDĐT bằng file ký số hoặc file *.pdf có ký tên, đóng dấu và file *.docx qua địa chỉ: **<http://baocao.tayninh.edu.vn:8979>**.

- Thông tin người gửi báo cáo là công chức, viên chức phụ trách công tác CNTT, CDS, cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành và thống kê giáo dục năm học 2025-2026.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần báo cáo, thông tin kịp thời về Phòng Quản lý chất lượng – Chuyển đổi số Sở GDĐT (đồng chí Trần Ngọc Linh, điện thoại 0975558587 hoặc đồng chí Lại Hữu Bình, điện thoại 0799701485; email: phongcntt.sotayninh@moet.edu.vn) để được hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục KH, CN và TT Bộ GDĐT;
- UBND tỉnh;
- GD, các P.GD Sở;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT;
- UBND xã, phường;
- Lưu: VT, QLCL-CDS.^(Linh)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Phương Vũ

Phụ lục

**MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ
THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026**

*(Ban hành kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL-CĐS ngày /10/2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

1. Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội về Luật Dữ liệu.
2. Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.
3. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
4. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
5. Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
6. Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
7. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.
8. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
9. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
10. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.
11. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.
12. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục.
13. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt

động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục.

14. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

15. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

16. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo.

17. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục.

18. Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về đánh giá, công nhân “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh.

19. Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.

20. Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

21. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học.

22. Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông.

23. Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục.

24. Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường.

25. Công văn số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông.

26. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

27. Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

28. Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

29. Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

30. Quyết định số 1315/QĐ-TTg ngày 09/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”.

31. Quyết định số 1638/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kỹ năng số.

32. Quyết định số 1645/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và Danh mục dữ liệu mở của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

33. Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

34. Quyết định số 2207/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu tuyển sinh đầu cấp giáo dục phổ thông.

35. Kế hoạch số 2630/KH-UBND ngày 27/06/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

36. Công văn số 1444/UBND-VHXXH ngày 30/07/2025 của UBND tỉnh về việc củng cố, kiện toàn, nâng cao hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng.

37. Công văn số 1502/UBND-NC ngày 31/07/2025 của UBND tỉnh về việc bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin trong kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

38. Kế hoạch số 909/KH-UBND ngày 26/08/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh trong 06 tháng cuối năm 2025.

39. Kế hoạch số 869/KH-UBND ngày 25/08/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Kế hoạch “Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cung cấp

dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp” trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

40. Kế hoạch số 560/KH-UBND ngày 05/08/2025 của UBND tỉnh về việc phát động Phong trào thi đua “Tây Ninh thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”.

41. Kế hoạch số 489/KH-UBND ngày 01/08/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2025.
